

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÓM TẮT

**Sơ kết tình hình chuyển đổi số quốc gia 6 tháng đầu năm 2023,
phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm**
(Phiên họp 6 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)

1. Kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số năm 2022

Về chỉ số chuyển đổi số quốc gia và kết quả xếp hạng mức độ chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương năm 2022 do Bộ TT&TT đánh giá.

Chỉ số	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Chuyển đổi số quốc gia	0,48	0,61	0,71
<i>Chính phủ số</i>	<i>0,36</i>	<i>0,43</i>	<i>0,65</i>
<i>Kinh tế số</i>	<i>0,26</i>	<i>0,41</i>	<i>0,64</i>
<i>Xã hội số</i>	<i>0,29</i>	<i>0,39</i>	<i>0,57</i>

Chỉ số chuyển đổi số quốc gia năm 2022 là **0,71**. So với năm 2021, tốc độ tăng trưởng chỉ số chuyển đổi số quốc gia năm 2022 có chậm lại, nhưng các chỉ số thành phần về chính phủ số, kinh tế số và xã hội số vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao từ **45% - 55%**. Điều này có nghĩa là càng lên mức cao, thì việc tăng điểm sẽ càng khó khăn.

Chỉ số tổng hợp cấp tỉnh có mức tăng trưởng mạnh hơn chỉ số tổng hợp cấp bộ, phản ánh một cách tương đối, trên bình diện tổng thể, là trong năm 2022 thì các địa phương nỗ lực lớn hơn các bộ, ngành Trung ương.

Năm 2022, **100%** các bộ, tỉnh đều có chỉ số tăng so với năm 2021, điều này phản ánh một cách tương đối trong năm 2022, cả hệ thống chính quyền các cấp đều nỗ lực, nhưng mức độ nỗ lực khác nhau sẽ có kết quả khác nhau.

a) Khối bộ, ngành có cung cấp dịch vụ công

Sau 2 năm dẫn đầu vào các năm 2020 và 2021, đến năm 2022, Bộ Tài chính giảm hạng, giảm 1 bậc, xếp thứ 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sau 2 năm xếp thứ 2 và 3 đã vươn lên vị trí dẫn đầu một cách tuyệt đối.

Năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đứng số 1 ở tất cả các chỉ số chính, đặc biệt, đồng chí Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư rất quan tâm chỉ đạo việc triển khai nền tảng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động quản lý nhà nước. Năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng kiện toàn, đổi tên Trung tâm Tin học

thành Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Xét trên góc độ kết nối, chia sẻ dữ liệu, CSDL QG về đăng ký doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2023 tiếp nhận 11,9 triệu lượt giao dịch truy vấn đến, chỉ xếp sau các dịch vụ liên quan đến hộ tịch, dân cư và bảo hiểm xã hội. Cũng trong 6 tháng đầu năm 2023, ở chiều ngược lại, các hệ thống thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện gần 197 nghìn lượt giao dịch truy vấn đi đến các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu khác.

Bộ Xây dựng tăng hạng mạnh nhất, tăng 5 bậc, thể hiện sự quan tâm mạnh mẽ và bắt đầu vào cuộc hành động để cải thiện chỉ số nhận thức và chỉ số nhân lực. Bộ Tư pháp giảm hạng mạnh nhất, giảm 5 bậc.

Xếp cuối bảng là Bộ Khoa học và Công nghệ, giảm 3 bậc so với năm 2021. Trong 6 tháng đầu năm 2023, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng có ít giao dịch kết nối, chia sẻ dữ liệu nhất trong khối bộ, ngành.

b) Khối bộ, ngành không cung cấp dịch vụ công

Xếp đầu tiên là Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có sự bứt phá mạnh mẽ nhất, tăng 6 bậc, từ xếp cuối vào năm 2021 lên xếp thứ 2 vào năm 2022.

c) Khối địa phương

TP. Đà Nẵng có năm thứ 3 liên tiếp xếp ở vị trí số 1. TP. Cần Thơ lần đầu tiên vào nhóm 5 địa phương dẫn đầu. Quảng Ngãi tăng hạng mạnh nhất, tăng 34 bậc. Đồng Nai và Hà Giang giảm hạng mạnh nhất, giảm 24 bậc.

10 địa phương xếp đầu bảng, từ vị trí thứ 1 đến vị trí thứ 10, lần lượt là: TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Thừa Thiên - Huế, TP. Cần Thơ, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Bắc Giang, Nam Định.

10 địa phương xếp cuối bảng, từ vị trí thứ 54 đến vị trí thứ 63, lần lượt là: An Giang, Quảng Trị, Thái Bình, Hà Giang, Cà Mau, Phú Yên, Bạc Liêu, Cao Bằng, Gia Lai, Bắc Kạn.

9 địa phương dẫn đầu về nhận thức số gồm: Đà Nẵng, Lạng Sơn, Yên Bái, Thanh Hóa, Ninh Bình, Ninh Thuận, Bình Dương, Quảng Ngãi, Lào Cai. Điểm chung của 9 địa phương này là thực hiện tuyên truyền phổ biến về chuyển đổi số qua đầy đủ các kênh truyền thông như: Cổng Thông tin điện tử, chuyên trang về chuyển đổi số; báo điện tử của tỉnh; đài truyền hình tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở với tần suất thường xuyên liên tục (1 tuần/1 lần)

14 địa phương dẫn đầu về thể chế số gồm: Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Thừa Thiên - Huế, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Bình Định, Hưng Yên, Long An, Bà Rịa – Vũng Tàu. Điểm chung của 14 địa phương này là đã ban hành đầy đủ các văn bản về chuyển

đổi số, gồm: Nghị quyết của Cấp ủy, Kế hoạch hành động theo giai đoạn, theo từng năm của Cấp chính quyền; Cập nhật và tuân thủ kiến trúc chính quyền điện tử; ban hành chính sách về tỷ lệ chi ngân sách nhà nước tối thiểu cho chuyển đổi số; tổ chức hội nghị phổ biến, hướng dẫn, quán triệt; ban hành các chính sách khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số.

Điển hình là Quảng Ngãi: Năm **2022** đã ban hành Chỉ thị số **19** của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm **2025**, định hướng đến năm **2030**. Ngoài ra, Quảng Ngãi còn ban hành chính sách giảm **50%** phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến; rút ngắn **20%** thời gian xử lý cho **973** dịch vụ công trực tuyến; thực hiện thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn trực tuyến với **97** dịch vụ công trực tuyến.

Về hạ tầng số

10 địa phương dẫn đầu về hạ tầng số gồm: TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Long, Bình Dương, Hậu Giang. Điểm chung của **10** địa phương này là phổ cập mạng băng rộng cáp quang đến hộ gia đình; phổ cập điện thoại thông minh đến người dân; triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông; triển khai các nền tảng số dùng chung và bắt đầu có ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Về nhân lực số

10 địa phương dẫn đầu về nhân lực số gồm: TP. Đà Nẵng, Hà Nam, Long An, Tiền Giang, TP. Cần Thơ, Điện Biên, Trà Vinh, Lạng Sơn, Bình Dương, Yên Bái. Điểm chung của **10** địa phương này là đã thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng đến tận thôn, xóm và hoạt động hiệu quả; định kỳ tối thiểu một năm một lần tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho người lao động; người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

Tổng kết mô hình thành công chung cho các bộ, ngành, địa phương là sự vào cuộc trực tiếp của người đứng đầu. Chuyển đổi số thay đổi cách làm, mà để thay đổi cách làm thì người đứng đầu là quyết định. Chuyển đổi số lại chú trọng vào người sử dụng. Vì vậy, chuyển đổi số cần người đứng đầu quan tâm, vào cuộc trực tiếp, đặt ra bài toán, chỉ ra cần làm cái gì, cần thay đổi cái gì. Doanh nghiệp công nghệ đưa ra giải pháp. Người đứng đầu tiên phong sử dụng và quyết liệt chỉ đạo việc sử dụng trong toàn bộ cơ quan, tổ chức.

Các địa phương trong nhóm **10** địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số của cả nước đều có Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, thành phố và **100%** sở, ngành, huyện,

xã đều do người đứng đầu cơ quan, đơn vị làm Trưởng ban. Định kỳ hàng quý, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố chủ trì họp Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, thành phố. Định kỳ hàng năm, Ban Thường vụ tỉnh, thành ủy tổ chức sơ kết đánh giá kết quả triển khai nghị quyết chuyên đề của tỉnh ủy, thành ủy về chuyển đổi số. Đồng thời, người đứng đầu cần có cơ chế giám sát thường xuyên, liên tục để phát hiện sự chệch hướng và kịp thời điều chỉnh.

Tổng kết mô hình thành công đặc trưng cho các bộ, ngành là việc kiện toàn, đổi tên hoặc bổ sung nội hàm chức năng chuyển đổi số ngành, lĩnh vực cho đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin. Khi được trao thêm sứ mệnh về việc tham mưu chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, khi được giao chính danh nhiệm vụ, thì sẽ kích hoạt sự thay đổi của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin. Tự họ sẽ thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, bồi dưỡng tập huấn kỹ năng, tổ chức phát triển và thúc đẩy sử dụng các nền tảng, hình thành nên các cơ sở dữ liệu, kết nối, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Tổng kết mô hình thành công đặc trưng cho các địa phương là thúc đẩy phát triển đều cả ba trụ cột là chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Tuy đặc thù từng địa phương tại từng thời điểm cụ thể có thể nhấn mạnh vào yếu tố lợi thế, hoặc khắc phục yếu tố hạn chế của mình để phát triển.

Về an toàn, an ninh mạng

Điểm cảnh báo đỏ là giá trị của chỉ số an toàn thông tin mạng năm 2022 tuy đã có tăng trưởng trên **46%** so với năm 2021, nhưng vẫn ở mức thấp, dưới mức trung bình, mới chỉ đạt **0,48**. Do đó, đây tiếp tục là vấn đề cần đặc biệt quan tâm trong năm 2023.

Đến hết tháng **6/2023**, tổng số hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã phê duyệt cấp độ an toàn là **1949/3094**, đạt tỷ lệ **62,9%**. Tổng số hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn theo cấp độ là **285/3094**, đạt tỷ lệ **9,2%**. Đây là nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng ở mức Rất Cao.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai, đã cấp tài khoản cho các bộ, ngành, địa phương sử dụng Nền tảng hỗ trợ bảo đảm an toàn thông tin mạng theo cấp độ để giúp các bộ, ngành, địa phương. Đề nghị các bộ, ngành, địa phương muện nhất đến hết Quý **III/2023** hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn cho **100%** các hệ thống thông tin.

Để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng ở mức cơ bản phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu, thời gian qua, Bộ Thông tin và Truyền thông đã hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương. Đến nay, **63/63** địa phương đã đáp ứng mức cơ bản. Đối với **24** bộ, ngành có hệ thống cần kết nối, chia sẻ dữ liệu, **10/24** bộ, ngành đã hoàn thành và đã được đánh giá, xác nhận; **7/24** bộ, ngành đã hoàn thành và đang chờ

được đánh giá, xác nhận; 7/24 bộ, ngành đang được Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ nhưng vẫn chưa hoàn thành.

Tuy nhiên, đề nghị các bộ, ngành, địa phương lưu ý: Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ hỗ trợ bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu tối đa đến hết tháng 12/2024. Vì vậy, các bộ, ngành, địa phương đang được hỗ trợ phải chủ động đăng ký kinh phí, thực hiện đầu tư hoặc thuê dịch vụ an toàn, an ninh mạng ngay từ bây giờ.

2. Kết quả đánh giá các Cổng dịch vụ công

Đối với trụ cột chính phủ điện tử, chính phủ số của chuyển đổi số quốc gia, trong đó, dịch vụ công trực tuyến là tiêu chí quan trọng nhất.

Trong thời gian từ 01/3 – 31/3/2023, Đoàn công tác liên ngành do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, thành phần tham gia gồm Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Ban Cơ yếu Chính phủ đã thực hiện khảo sát trực tiếp tại 03 bộ, ngành và 09 địa phương. Các bộ, ngành được lựa chọn khảo sát là những bộ, ngành có nhiều dịch vụ công trực tuyến liên quan nhiều, trực tiếp đến người dân, khảo sát sâu xuống tận cấp trực tiếp cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đến các Cục, các Trung tâm. Các địa phương được lựa chọn khảo sát đại diện cho cả 3 miền, có miền núi, trung du, đồng bằng, địa phương đông dân, địa phương ít dân, khảo sát cả cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; khảo sát ý kiến của cả cán bộ, công chức, viên chức và người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Kết quả khảo sát cho thấy có 6 nhóm nguyên nhân người dân không hài lòng hoặc gặp lỗi khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến, với tỷ lệ tương ứng là: 3% là do lỗi thiết bị đầu cuối của người dân; 5% là do lỗi kết nối mạng của người dân; 36% là do lỗi của Cổng dịch vụ công; 10% là do lỗi khi thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; 7% là do lỗi kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; 25% là do thủ tục hành chính phức tạp, làm trực tiếp dễ và nhanh hơn làm trực tuyến và 14% là do các nguyên nhân khác.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiến hành đánh giá chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ góc độ trải nghiệm của người sử dụng đối với Cổng dịch vụ công của 20 bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các Cổng dịch vụ công được chia thành 5 mức độ, cụ thể như sau:

Mức độ A: Từ 90 điểm đến 100 điểm

Mức độ B: Từ 80 đến 89 điểm

Mức độ C: Từ 65 đến 79 điểm

Mức độ D: Từ 50 đến 64 điểm

Mức độ E: Dưới 50 điểm

Công dịch vụ công đạt mức độ **A** có đầy đủ chức năng, giao diện thân thiện, hỗ trợ người dân truy cập thuận tiện và đặc biệt có tốc độ tải trang và đáp ứng thao tác của người dùng tốt, tốc độ tải trang dưới **2,5 giây**, thời gian phản hồi dưới **0,2 giây**.

Kết quả đánh giá 6 tháng đầu năm 2023 đối với khối bộ, ngành như sau:

- Mức độ **A (2 Bộ)**: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng.

- Mức độ **B (4 Bộ)**: Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Mức độ **C (10 Bộ)**: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

- Mức độ **D**: Không có.

- Mức độ **E (4 Bộ)**: Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả đánh giá 6 tháng đầu năm **2023** đối với khối địa phương như sau:

- Mức độ **A (9 địa phương)**: TP. Cần Thơ; Bình Dương; Yên Bái; An Giang; Bến Tre; Bình Định; Hải Dương; TP. Hồ Chí Minh; TP. Đà Nẵng.

- Mức độ **B (43 địa phương)**: Đồng Tháp; Bắc Ninh; Bắc Giang; Trà Vinh; Hà Tĩnh; Thái Bình; Hà Nam; Thanh Hóa; Hưng Yên; Đắk Nông; Kon Tum; Phú Thọ; Sóc Trăng; Tuyên Quang; Thái Nguyên; Điện Biên; Bà Rịa - Vũng Tàu; Cao Bằng; Đồng Nai; Long An; Hòa Bình; Ninh Bình; Nam Định; TP. Hải Phòng; Quảng Ninh; Cà Mau; Tiền Giang; Kiên Giang; Nghệ An; Tây Ninh; Thừa Thiên Huế; Bình Phước; Hậu Giang; Quảng Nam; Bình Thuận; Vĩnh Phúc; Lào Cai; Lâm Đồng; Lai Châu; Lạng Sơn; Quảng Trị; Quảng Ngãi; TP. Hà Nội.

- Mức độ **C (10 địa phương)**: Bắc Kạn; Phú Yên; Quảng Bình; Sơn La; Gia Lai; Đắk Lắk; Ninh Thuận; Hà Giang; Vĩnh Long; Khánh Hòa.

- Mức độ **D (1 địa phương)**: Bạc Liêu.

- Mức độ **E**: Không có.

Công dịch vụ công thành phố Cần Thơ, sử dụng giải pháp công nghệ của Unitech, theo hình thức đầu tư mua sắm giải pháp, có kết quả đánh giá chất lượng cao nhất trong **63** địa phương.

Trong **11** công dịch vụ công đạt mức độ **A**, có **2/11** công sử dụng giải pháp công nghệ của Unitech, **2/11** công sử dụng giải pháp công nghệ của Viettel và **7/11** công sử dụng giải pháp công nghệ của VNPT; có **5/11** công được địa phương

triển khai dưới hình thức thuê dịch vụ của doanh nghiệp, **6/11** công được triển khai dưới hình thức đầu tư mua sắm giải pháp.

Trong **11** công dịch vụ công đạt mức độ **C** và **D**, có **3/11** công được địa phương triển khai dưới hình thức thuê dịch vụ của doanh nghiệp, **8/11** công được địa phương triển khai dưới hình thức đầu tư mua sắm giải pháp của doanh nghiệp.

Trong toàn bộ **83** công dịch vụ công của các bộ, ngành, địa phương, có **39/83** được triển khai dưới hình thức thuê dịch vụ của doanh nghiệp, điểm trung bình đánh giá đạt **85,23** điểm, **40/83** được triển khai dưới hình thức đầu tư mua sắm giải pháp của doanh nghiệp, điểm trung bình đánh giá đạt **76,05** điểm, có **4/83** tự làm, điểm trung bình đánh giá đạt **68** điểm.

Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan Thường trực Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã chủ trì Phiên họp chuyên đề về việc thay đổi căn bản cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đã có văn bản số **2051/BTTTT-CĐSQG** ngày **02/6/2023** hướng dẫn **20** nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho các bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai đến hết năm **2023** để tiếp tục nâng cao chất lượng cung cấp và hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

3. Kết quả hoạt động chuyển đổi số quốc gia 6 tháng đầu năm 2023

a) Kết quả nổi bật

Đánh giá tổng thể **6** tháng đầu năm **2023** có **6** kết quả nổi bật như sau:

Thứ nhất, về thể chế số, Luật Giao dịch điện tử sửa đổi được Quốc hội thông qua tại phiên họp sáng ngày 22/6/2023, Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV. Luật có tác động đến **139** văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, gồm **11** văn bản điều ước quốc tế, **26** luật, **113** văn bản hướng dẫn các cấp. Luật quy định giá trị pháp lý của các thành tố cơ bản nhằm thúc đẩy chuyển đổi các giao dịch từ môi trường thực lên môi trường số, giúp nhiều luật hiện nay có hiệu lực thi hành ngay trên môi trường số. Đây có thể coi là luật cơ bản về chuyển đổi số, là một bước tiền quan trọng trong việc hoàn thiện thể chế cho chuyển đổi số.

Thứ hai, về hạ tầng số, tốc độ truy cập mạng băng rộng cố định đạt **93,31** Mbps, tăng **29,98%** so với cùng kỳ năm **2022**, xếp thứ **42** và cao hơn trung bình thế giới là **79,28** Mbps. Tốc độ truy cập mạng băng rộng di động đạt **47,27** Mbps, tăng **33,95%** so với cùng kỳ năm **2022**, xếp thứ **47** và cao hơn trung bình thế giới là **42,3** Mbps. Các doanh nghiệp viễn thông di động đã triển khai phủ sóng được **2.416/3.924** thôn lǝm sóng viễn thông, trong đó có **2.418** thôn lǝm sóng giai đoạn **2021-2022** và phát sinh mới **1.506** thôn giai đoạn **2022-2023**. Việt Nam có **9** doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, **43** trung tâm dữ liệu trên toàn quốc, với tổng số **571** nghìn máy chủ, **54,7** triệu lõi vật lý.

Thứ ba, về nhân lực số, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã bổ sung 5 mã ngành mới vào chương trình đào tạo đại học, sau đại học gồm: Khoa học dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo, Kinh tế số, Công nghệ giáo dục và Công nghệ tài chính. Số lượng tuyển sinh đào tạo kỹ sư, cử nhân về máy tính và công nghệ thông tin năm 2022 đạt **70.000**, tăng **16%** so với năm **2021**.

Thứ tư, chính phủ số, với trọng tâm là dữ liệu và dịch vụ công trực tuyến, có những chuyển biến rõ rệt.

Đề án **06**, được gọi là một mũi đột phá của chuyển đổi số quốc gia, là hạt nhân thúc đẩy cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu, nâng cao chất lượng **53** dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, cấp trên **45** triệu tài khoản định danh điện tử cho người dân. Bộ Công an có báo cáo chuyên đề chi tiết về nội dung này.

Công dịch vụ công quốc gia trong **6** tháng đầu năm **2023** có **3,6** triệu tài khoản đăng ký mới, nâng tổng số tài khoản lũy kế là **7,7** triệu, ghi nhận hơn **6,8** triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn **2,39** nghìn tỷ đồng, tăng hơn **3** lần so với cùng kỳ năm 2022. Đến hết tháng **6/2023**, Công dịch vụ công các bộ, ngành, địa phương có chuyển biến rõ rệt về chất lượng so với cuối năm **2022**. Văn phòng Chính phủ có tham luận chi tiết về nội dung này.

Việc giải quyết thủ tục hành chính ở một số địa phương có sự thay đổi đột phá, ví dụ tháng **6/2023**, Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho **02** dự án đầu tư của doanh nghiệp có tổng mức vốn đầu tư gần **250** triệu USD chỉ trong **12** giờ làm việc kể từ thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh, rút ngắn thời gian giải quyết **14** ngày làm việc so với quy định.

Điểm sáng mới trong **6** tháng đầu năm **2023** là Bộ Nội vụ, với việc triển khai thần tốc Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, đến hết **30/6/2023** đã cơ bản hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu trên quy mô quốc gia với trên **95%** các cơ quan, đơn vị.

Trong **6** tháng đầu năm **2023**, trung bình có **18** giao dịch **1** giây, **1,59** triệu giao dịch **1** ngày qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); **57** giao dịch **1** giây; **5,01** triệu giao dịch **1** ngày qua hệ thống giám sát, đo lường dịch vụ chính phủ số của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thứ năm, ước tính sơ bộ tỷ trọng kinh tế số trong GDP trong **6** tháng đầu năm **2023** đạt khoảng **14,96%**, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức cao ở mức **21%** so với cùng kỳ năm 2022.

Báo cáo thường niên kinh tế số e-Conomy SEA do Google và Temasek nghiên cứu công bố tốc độ tăng trưởng kinh tế số Việt Nam năm **2022** là **28%**, dẫn đầu trong các quốc gia Đông Nam Á. Năm **2022** có hơn **1.400** doanh nghiệp

công nghệ số Việt Nam có doanh thu từ thị trường nước ngoài, tăng gần **20%** so với năm **2021**. Doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đi ra nước ngoài tiêu biểu trong 6 tháng đầu năm 2023 gồm: Viettel, FPT, CMC, Rikkei, VMO, NTQ, TMA và LTS.

Điểm sáng mới trong **6** tháng đầu năm **2023** về phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực là Bộ Giao thông vận tải, với việc thúc đẩy triển khai chuyển đổi số cảng biển và kết nối các cảng biển nhằm nâng cao năng lực, rút ngắn thời gian phục vụ, đã bước đầu triển khai được **18/145** cảng biển trên phạm vi toàn quốc (*từ khi bắt đầu thúc đẩy năm 2021 mới có 4 cảng đến nay đã chiếm thị phần lớn nhất*), sử dụng nền tảng số Make in Việt Nam, với chi phí chỉ bằng khoảng **10 - 20%** giải pháp của nước ngoài.

Điểm sáng mới trong **6** tháng đầu năm **2023** về phát triển kinh tế số địa phương là tỉnh Bình Thuận, với việc nhiều nhà vườn thanh long lớn tại Bình Thuận đã hợp tác với Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông đã triển khai hiệu quả việc ứng dụng hệ thống chiếu sáng thông minh vào chuyển đổi số nông nghiệp. Các nhà vườn được thiết kế hệ thống chiếu sáng thông minh bằng đèn LED thay thế bóng đèn tròn sợi đốt và bóng compact, kết hợp với hệ thống điều khiển tự động điều khiển mức độ sáng và thời gian chiếu sáng theo từng giai đoạn phát triển của cây. Kết quả thực tế trên 1ha triển khai khi sử dụng hệ thống chiếu sáng thông minh bằng đèn LED cho thấy: Sản lượng ra nụ hoa tăng **24%**; Chi phí tiền điện rẻ hơn **30** triệu đồng/1 năm so với đèn compact và **91** triệu đồng/1 năm so với đèn sợi đốt; Tuổi thọ đèn cao hơn tới **15** lần; Thời gian hoà vốn đầu tư **7-12** tháng.

Thứ tư, tổng số lượng người dùng hàng tháng trên các ứng dụng di động Việt Nam trong **6** tháng đầu năm **2023** vượt mức **500** triệu, tăng gần **16%** so với cùng kỳ năm **2022**.

60 nền tảng, ứng dụng di động phục vụ người dân của Việt Nam có trên **1** triệu người dùng hàng tháng, tăng gần **10%** so với cùng kỳ năm 2022.

Điểm sáng mới trong **6** tháng đầu năm **2023** là nền tảng truyền hình số quốc gia VTV Go với hơn **7** triệu người dùng hàng tháng, trong đó có gần **1** triệu người dùng ở nước ngoài. Từ 01/01/2023 đến 29/6/2023, VTV Go đạt **1,7** tỷ lượt xem, trung bình **280** triệu lượt xem 1 tháng.

Điểm sáng mới trong phát triển xã hội số ở các địa phương trong **6** tháng đầu năm **2023** tiêu biểu gồm: Yên Bái đạt tỷ lệ danh tính số VNeID gần **80%**; Thái Nguyên, Ninh Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đắk Nông, Long An, Kiên Giang đạt tỷ lệ tài khoản thanh toán số thậm chí vượt **100%**.

b) Tồn tại, hạn chế

Đánh giá tổng thể 6 tháng đầu năm 2023 có 6 tồn tại, hạn chế lớn như sau:

Thứ nhất, chậm trễ trong việc ban hành kế hoạch năm 2023. Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã kết luận chỉ đạo sớm ban hành Kế hoạch năm 2023 ngay sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Quý Mão. Tuy nhiên, đến ngày 04/4/2023, Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023 mới được ban hành. Việc ban hành kế hoạch quốc gia chậm dẫn đến hoạt động chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương trong 6 tháng đầu năm bị chậm tương ứng trong khâu tổ chức thực hiện.

Thứ hai, chậm trễ trong việc triển khai và phổ biến các nền tảng số quốc gia. Trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược quốc gia phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đều xác định phát triển nền tảng số dùng chung là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giúp giảm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, đến nay, số lượng nền tảng số quốc gia được triển khai rộng rãi chưa nhiều.

Thứ ba, chậm trễ trong việc hoàn thiện, ban hành các định mức, đơn giá cho triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, đặc biệt là định mức quản trị, duy trì, vận hành, tích hợp hệ thống thông tin.

Thứ tư, chậm trễ trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên đề về dữ liệu để triển khai Năm Dữ liệu số quốc gia.

Thứ năm, chậm trễ trong việc tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc thường xuyên, liên tục. Thời gian qua, công tác kiểm tra, giám sát và đặc biệt là vai trò đôn đốc của Cơ quan Thường trực Ủy ban và của đơn vị Thường trực Ban Chỉ đạo các cấp vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, dẫn đến tiến độ thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng chưa có nhiều tiến triển, có nguy cơ không hoàn thành mục tiêu đề ra.

Thứ sáu, chậm trễ trong việc đề xuất nội dung cập nhật kiến thức về chuyển đổi số trong chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và chương trình đào tạo về lý luận chính trị. Hiện nay hầu hết các chương trình bồi dưỡng chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp, các chương trình đào tạo lý luận chính trị đều có nội dung về chuyển đổi số. Tuy nhiên, nội dung này hiện nay do các cơ sở đào tạo chủ động xây dựng, chưa có khung chương trình tổng thể chung, nội dung chưa sát với thực tiễn, chưa gắn được với các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số.

Trách nhiệm chính của 06 tồn tại, hạn chế trên trước tiên thuộc về khâu tổ chức thực thi của Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số.

4. Tình hình thực hiện chương trình quốc gia về chuyển đổi số, chiến lược quốc gia về phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số

a) Tình hình thực hiện các mục tiêu đặt ra năm 2023 và đến năm 2025

Kế hoạch năm 2023 đặt ra **35** mục tiêu quan trọng, đến nay, mới chỉ có **02** mục tiêu đã hoàn thành, **13** mục tiêu đạt trên **50%** kế hoạch năm, còn 20 mục tiêu đạt dưới **50%** kế hoạch năm.

Chương trình, chiến lược quốc gia đặt ra **81** mục tiêu quan trọng đến năm 2025, đến nay, mới chỉ có **10** mục tiêu đã hoàn thành, đạt tỷ lệ hoàn thành là **12,35%**, **34** mục tiêu có khả năng hoàn thành vào năm **2024**, đạt tỷ lệ hoàn thành là **54,33%**, còn **37** mục tiêu, chiếm tỷ lệ **45,67%** phải nỗ lực ở mức rất cao thì mới có khả năng hoàn thành vào năm 2025.

Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện Kế hoạch hoạt động của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số năm **2023**, đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược quốc gia phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số trong quyển tài liệu đầy đủ kèm theo.

Thực trạng này đòi hỏi Ủy ban quốc gia và Ban chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương phải thay đổi cách tiếp cận, tích cực, quyết liệt hơn nữa trong công tác chỉ đạo, điều hành, đôn đốc thực hiện thì mới có khả năng hoàn thành kế hoạch năm **2023**. Hàng tháng, bắt đầu từ tháng **8/2023**, Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực sẽ có báo cáo chuyên đề đôn đốc thực hiện tại các phiên họp thường kỳ của Chính phủ, trong đó sẽ liệt kê chi tiết mục tiêu, nhiệm vụ chưa hoàn thành của từng bộ, ngành, địa phương.

b) Hoạt động nổi bật của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số

Từ tháng **6/2020** đến **6/2023**, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban quốc gia đã ban hành **52** văn bản quy định chi tiết, chỉ đạo, điều hành, đôn đốc chuyển đổi số quốc gia, trong đó có: **07** Nghị quyết của Đảng có nội dung về chuyển đổi số; **01** Luật, **10** Nghị định, **30** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và **4** Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực Ủy ban đã ban hành **60** văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện chuyển đổi số; phát hành **31** báo cáo chuyên đề tham khảo phục vụ hoạt động của Ủy ban quốc gia và Ban chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương.

Ủy ban quốc gia họp **06** phiên toàn thể, **01** phiên chuyên đề, tất cả đều trực tuyến với các bộ, ngành, địa phương. Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan Thường trực tổ chức **350** cuộc họp gồm cả trực tiếp tại Hà Nội và trực tuyến để trao đổi, thảo luận, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp. Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan Thường trực đã

trực tiếp chủ trì khảo sát thực tế, đôn đốc, thúc đẩy chuyển đổi số tại **39** địa phương.

5. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023

Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương tổ chức triển khai các nhiệm vụ, hoàn thành các mục tiêu theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số năm 2023, trong đó chú trọng các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

a) Về thể chế số

- Bộ Tư pháp chủ trì, hướng dẫn, điều phối, đôn đốc các bộ, ngành thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan mình để phát hiện các văn bản cần điều chỉnh bảo đảm phù hợp với Luật Giao dịch điện tử năm 2023; tham mưu, đề xuất Chương trình, Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, bảo đảm việc chuyển đổi từ phương thức làm việc truyền thống sang môi trường điện tử. Thời hạn hoàn thành: Tháng 8/2023.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan hoàn thành dự thảo toàn bộ các Nghị định hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử trong năm 2023, đề tháng 3/2024 trình Chính phủ ban hành và có hiệu lực đồng bộ với thời gian Luật có hiệu lực, từ 01/7/2024.

b) Về hạ tầng số

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chỉ đạo, tổ chức tiếp tục triển khai phủ sóng di động tại các thôn/bản lǎm sóng nằm trong Chương trình viễn thông công ích giai đoạn đến 2025; thúc đẩy hoàn thành hoàn thành mục tiêu tỷ lệ hộ gia đình phủ cáp quang đạt 85%, số thuê bao băng rộng cố định trên 100 dân đạt 25 thuê bao/100 dân, số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân đạt 90 thuê bao /100 dân. Thời hạn hoàn thành: Tháng 12/2023.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì làm việc trực tiếp, hướng dẫn, điều phối, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xác định nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển và thúc đẩy phổ cập sử dụng. Thời hạn hoàn thành: Tháng 8/2023.

c) Về nhân lực số

- Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm mô hình giáo dục đại học số. Thời hạn hoàn thành: Tháng 12/2023.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá, công bố Nền tảng học trực tuyến mở đại trà là nền tảng số quốc gia phục vụ bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số, tổ

chức hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số trên Nền tảng. Thời hạn hoàn thành: Tháng 8/2023.

d) Về dữ liệu số

- Bộ, ngành nghiên cứu, ban hành các quy định hướng dẫn tường minh về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong ngành, lĩnh vực mình quản lý, theo hướng cân bằng giữa bảo vệ dữ liệu cá nhân và sử dụng dữ liệu để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Thời hạn hoàn thành: Tháng 12/2023.

- Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp tình hình, hướng dẫn, điều phối, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Năm Dữ liệu số quốc gia. Thời hạn hoàn thành: Tháng 7/2023.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổng hợp dữ liệu quốc gia phục vụ xây dựng, huấn luyện mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt. Thời hạn hoàn thành: Tháng 12/2023.

đ) Về Chính phủ số

Các bộ, ngành, địa phương triển khai 20 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đã được hướng dẫn tại văn bản số **2051/BTTTT-CĐSQG** ngày **02/6/2023** của Bộ Thông tin và Truyền thông để tiếp tục nâng cao chất lượng cung cấp và hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

e) Về kinh tế số

- Các bộ, ngành, địa phương triển khai phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực, địa phương. Tập trung ưu tiên chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển kinh tế số các lĩnh vực cửa khẩu, cảng biển, giao nhận hàng hóa, nông nghiệp, du lịch, dệt may và sản xuất công nghiệp. Thời hạn hoàn thành: Tháng 12/2023.

- Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức phiên họp chuyên đề về phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực; ban hành văn bản hướng dẫn, điều phối, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp. Thời hạn hoàn thành: Tháng 7/2023.

g) Về xã hội số

- Các bộ, ngành, địa phương triển khai phổ cập 8 yếu tố cơ bản của xã hội số: Mỗi hộ gia đình một đường cáp quang băng rộng. Mỗi người dân một điện thoại thông minh, một danh tính điện tử, một chữ ký số cá nhân, một tài khoản thanh toán số, một tài khoản dịch vụ công trực tuyến, một phần mềm bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản và có kỹ năng số ở mức cơ bản. Thời hạn hoàn thành: Tháng 12/2023.

- Bộ Y tế tổ chức đánh giá, công bố, nhân rộng các mô hình bệnh viện số. Thời hạn hoàn thành: Tháng 9/2023.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức đánh giá, công bố, nhân rộng các mô hình trường học số. Thời hạn hoàn thành: Tháng 9/2023.

- Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức phiên họp chuyên đề về phát triển xã hội số; ban hành văn bản hướng dẫn, điều phối, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp. Thời hạn hoàn thành: Tháng 8/2023.

Trên đây là báo cáo tổng hợp sơ kết tình hình chuyển đổi số quốc gia 6 tháng đầu năm **2023**, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm **6** tháng cuối năm **2023**./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG